

GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH-TIỀN

thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát

TS. NGUYỄN THỊ KIM NHUNG

Học viện Ngân hàng



Trong 7 tháng đầu năm 2007, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng cao, Chính phủ đang chỉ đạo cần có ngay các biện pháp hữu hiệu và quyết liệt để kiềm chế lạm phát, giảm nhịp độ tăng giá. Nguyên nhân lạm phát được đề cập nhiều đến trong thời gian qua là từ tài chính - tiền tệ và các biện pháp được đưa ra hay được bàn đến hiện nay cũng về tài chính - tiền tệ. Tuy nhiên, cần có sự đánh giá đầy đủ hai vấn đề đó thời gian qua, cũng như tác động hai chiều của các biện pháp về tài chính - tiền tệ hiện nay.

Một thông tin quan trọng được công bố đang thu hút sự quan tâm lớn của dư luận đó là

trong 6 tháng đầu năm 2007, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã mua vào dự trữ 7 tỷ USD, tương ứng khoảng 112.000 tỷ đồng được tung ra lưu thông qua kênh mua ngoại tệ đó. Từ thông tin này nhiều người cho rằng nguyên nhân chính gây nên lạm phát thời gian qua là do cung ứng tiền!

Song nếu xem xét đầy đủ thì có thể thấy, đồng thời với việc đưa Đồng Việt Nam ra mua ngoại tệ NHNN cũng đã tăng gấp 2 lần dự trữ bắt buộc và can thiệp thông qua nghiệp vụ thị trường mở. Cụ thể mức dự trữ bắt buộc tiền gửi nội tệ dưới 12 tháng của hầu hết các

NHTM tăng từ 5% lên 10%, của NHNo&PTNT Việt Nam tăng từ 4% lên 8%, của Quỹ tín dụng tăng từ 2% lên 4%. Tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ kỳ hạn dưới 12 tháng tăng từ 8% lên 10%; kỳ hạn từ 12 đến 24 tháng tăng từ 2% lên 4%. Thông qua biện pháp can thiệp đó, NHNN đã rút khỏi lưu thông thêm khoảng 30.000 tỷ đồng so với trước, nâng tổng số tiền phải gửi dự trữ bắt buộc tại NHNN lên khoảng 55.000 - 60.000 tỷ đồng.

Bên cạnh đó thông qua nghiệp vụ thị trường mở, doanh số hoạt động trong 7 tháng đầu năm 2007 cũng đạt mức kỷ lục

trong vòng 7 năm qua kể từ khi thị trường này được đưa vào hoạt động. Với nghiệp vụ phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn, các thành viên của thị trường mở là các Tổ chức tín dụng (TCTD) và Ngân hàng thương mại (NHTM) đã mua trên 60.000 tỷ đồng. Điều đó cũng có nghĩa là thông qua nghiệp vụ thị trường mở, NHNN đã tạm thời rút khỏi lưu thông trên 60.000 tỷ đồng trong 7 tháng đầu năm 2007.

Về nghiệp vụ huy động tiền gửi của các TCTD, bằng các biện pháp như: tăng lãi suất, đa dạng các hình thức huy động vốn, đẩy mạnh khuyến mại và tiếp thị, phát triển mạng lưới, hiện đại hóa công nghệ, mở rộng dịch vụ ngân hàng tiện ích, đổi mới phong cách giao dịch,... các TCTD đã thu hút được lượng tiền gửi và lượng tiền người dân mua giấy tờ có giá lớn nhất và có tốc độ tăng cao nhất từ trước đến nay.

Tính đến hết tháng 6/2007, tổng số dư vốn huy động của các TCTD trong cả nước tăng 24,4% so với đầu năm và tăng tới 45,9% so với cùng kỳ năm 2006. Đây là mức tăng cao nhất kể từ khi có sự đổi mới hoạt động ngân hàng và vượt xa so với dự kiến của giới quản trị ngân hàng. Trong cơ cấu nguồn vốn huy động thì tốc độ tăng vốn huy động nội tệ là 29,4% so với đầu năm và 54,6% so với cùng kỳ năm 2006; vốn huy động ngoại tệ tăng 10,3% so với đầu năm và 22,7% so cùng kỳ. Ước tính trong 6 tháng đầu năm 2007, các TCTD đã thu hút trên 200.000 tỷ đồng từ dân cư và các tổ chức kinh tế.

Vốn huy động của các TCTD tăng nhanh trong khi dư nợ cho vay của các TCTD lại tăng chậm. Tính đến hết tháng 6-2007, tổng dư nợ cho vay và đầu tư cho nền kinh tế của hệ thống ngân hàng chỉ tăng có 16% so với đầu năm

và chỉ tăng có 34,7% so với cùng kỳ năm 2006. Với diễn biến đó hàng trăm nghìn tỷ đồng được các TCTD thu hút từ nền kinh tế dưới dạng dự trữ bảo đảm thanh toán, vốn khả dụng, đầu tư trên thị trường mở,... nhưng không cho vay ra được. Nói cách khác, vốn của các TCTD thu hút về lớn gấp 1,5 lần số vốn cho vay ra.

Cũng có ý kiến cho rằng, chỉ số tăng giá tiêu dùng cao, lạm phát ở mức độ lớn của thời kỳ này là do cung tiền của thời kỳ trước vì nó có độ trễ! Song nhìn lại số liệu thống kê chính thức về tiền tệ của giai đoạn liền kề thì thấy không phải như vậy. Bởi vì, đến hết năm 2006, tổng số dư vốn huy động của hệ thống ngân hàng tăng tới 36,53% so với cuối năm 2005; trong khi dư nợ chỉ tăng có 25,44%, vốn huy động về lớn gấp 1,4 lần vốn cho vay ra. Bên cạnh đó trong năm 2006, thông qua nghiệp vụ thị trường mở, NHNN đã thu hút từ lưu thông về 87.402 tỷ đồng, gấp 3 lần so với số tiền NHNN bơm ra chỉ có 36.832 tỷ đồng.

Mặt khác, với Chỉ thị 03 của NHNN được ban hành từ ngày 28-5-2007 về khống chế dư nợ cho vay đầu tư kinh doanh chứng khoán của các TCTD dưới 3%, đến nay đã có hàng nghìn tỷ đồng được thu hút về hệ thống ngân hàng.

Một số ý kiến khác lại cho rằng, chất lượng tín dụng có vấn đề và nợ xấu tiềm ẩn gây nên lạm phát. Tuy nhiên, từ thực tế cũng như số liệu chính thức tổng hợp từ các NHTM (không được phép công bố cụ thể), cho thấy tổng số nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu đều giảm rất mạnh. Các NHTM Nhà nước đang tăng cường chất lượng tín dụng chuẩn bị cổ phần hóa. Trong khi đó các NHTM cổ phần cũng đang tăng cường chất lượng tín dụng vì quyền lợi

của chính cổ đông. nếu như các NHTM cho vay bài bản và quản trị rủi ro tiếp cận dần thông lệ quốc tế thì không thể nói rằng chất lượng nợ xấu của TCTD tiềm ẩn nguy cơ lạm phát.

Với các biện pháp can thiệp và điều hành chính sách tiền tệ nói trên cho thấy, để thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát ngay từ đầu năm, NHNN đã điều hành thận trọng và chặt chẽ chính sách tiền tệ. Đặc biệt từ cuối tháng 5/2007, trước xu hướng diễn biến của thị trường, NHNN đã phải “bấm búng” thực hiện biện pháp có thể được coi là “mạnh tay” khi tăng gấp 2 lần dự trữ bắt buộc trước sự phản ứng “dữ dội” của các NHTM vì cho rằng làm cho chi phí hoạt động tín dụng của họ bị tăng cao, mặc dù NHNN có trả lãi cho tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định. NHNN cũng “bấm búng” thu hút trên 60.000 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở về “giam kho” không sinh lời và phải trả lãi cho các NHTM. Sở dĩ NHNN phải “bấm búng” thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt bởi nó ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế của năm nay cũng như những năm sau do lãi suất cho vay của NHTM tăng, làm hạn chế nhu cầu vay đầu tư của người dân và các doanh nghiệp. Phải thừa nhận rằng, đây là “cái giá phải trả” trong điều hành chính sách tiền tệ không phải chỉ riêng NHNN Việt Nam mà Ngân hàng Trung ương nhiều nước cũng phải “đau đầu” khi tính tới “cái giá phải trả” trong điều hành chính sách tiền tệ ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và kiềm chế lạm phát ■